UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ BẾN QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 866/QĐ-UBND	*Bến Quan, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đưa vào thực hiện tại trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bến Quan

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẾN QUAN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị đang có hiệu lực thi hành;

Theo Tờ trình số 130/TTr-TTPVHCC ngày 28/9/2026 đề nghị Ban hành Quyết định phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đưa vào thực hiện tại trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bến Quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 398 thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bến Quan *(Có Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bến Quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức niêm yết, công khai đầy đủ, kịp thời Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này tại

Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên các hình thức công khai khác theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì kịp thời cập nhật, công khai theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bến Quan, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc UBND xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT;
- Như điều 4;
- Lưu: VP, VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải

DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đưa vào thực hiện tại trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bến Quan

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 9 /2026 của UBND xã Bến Quan)

Tổng số TTHC: 398 TTHC

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Lĩnh vực
I	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (13 TTHC)**		
1	Thủ tục Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794.H50	Thể dục thể thao
2	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	1.012084.H50	Gia đình
3	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	1.012085.H50	Gia đình
4	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622.H50	Văn hóa
5	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	1.013791.H50	Văn hóa
6	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.001029.H50	Văn hóa
7	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.000963.H50	Văn hóa
8	Nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh- cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự - Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.014475.H50	Văn hóa
9	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1.014310.H50	Di sản văn hóa
10	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1.014312.H50	Di sản văn hóa
11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1.013792.H50	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử
12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1.013793.H50	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử
13	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1.013794.H50	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử
II	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG (42 TTHC)**		
1	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	1.012888.H50	Nhà ở và công sở

2	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2.001921.H50	Đường bộ
3	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274.H50	Đường bộ
4	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314.H50	Đường bộ
5	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061.H50	Đường bộ
6	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	1.003658.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
7	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
8	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
9	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
11	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
14	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
16	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1.009452.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
17	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1.009454.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa

18	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
19	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009453.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
20	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009455.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
21	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1.009447.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
22	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001218.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
23	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001217.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
24	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2.001215.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
25	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001214.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001212.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
27	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001211.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
28	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1.005040.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
29	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	1.002372.H50	Hàng hải và đường thủy nội địa
30	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	1.013225.H50	Hoạt động xây dựng
31	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh	1.013229.H50	Hoạt động xây dựng

	hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		
32	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	1.013232.H50	Hoạt động xây dựng
33	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	1.013226.H50	Hoạt động xây dựng
34	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	1.013227.H50	Hoạt động xây dựng
35	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	1.013228.H50	Hoạt động xây dựng
36	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014156.H50	Quy hoạch đô thị và nông thôn
37	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014158.H50	Quy hoạch đô thị và nông thôn
38	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014155.H50	Quy hoạch đô thị và nông thôn
39	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014157.H50	Quy hoạch đô thị và nông thôn
40	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014159.H50	Quy hoạch đô thị và nông thôn
41	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1.002693.H50	Hạ tầng kỹ thuật
42	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.014632.H50	Nhà ở và công sở
III	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO (11 TTHC)**		

1	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	1.013796.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
2	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	1.013797.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
3	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	1.103798.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
4	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012590.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
5	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.012584.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
6	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.012582.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
7	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	1.012592.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
8	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.012591.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
9	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012585.H50	Tín ngưỡng, tôn giáo
10	Công nhận người có uy tín	1.012222.H50	Dân tộc
11	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	1.012223.H50	Dân tộc
IV	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH (43 TTHC)**		
1	Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612.H50	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
2	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720.H50	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
3	Thủ tục Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1.001570.H50	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
4	Thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266.H50	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575.H50	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
6	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	1.014034.H50	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
7	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	1.014035.H50	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh
8	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu	2.002635.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên

	công nghiệp		hiệp hợp tác xã
9	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2.002636.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
10	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2.002637.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2.002638.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2.002639.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2.002640.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	2.002641.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
15	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2.002642.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
16	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002643.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
17	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	2.002644.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
18	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002645.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
19	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2.002646.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên

			hiệp hợp tác xã
20	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002648.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
21	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002649.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
22	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp HTX	2.002650.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
23	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1.005280.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	2.002123.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
25	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004901.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
26	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.004979.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
27	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.001958.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
28	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, liên hiệp HTX	1.005378.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
29	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1.005377.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã,	2.001973.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên

	liên hiệp hợp tác xã		hiệp hợp tác xã
31	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004982.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
32	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005010.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
33	Thông báo thành lập/ thay đổi tổ hợp tác	2.002226.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
34	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
35	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp HTX	2.002668.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
36	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	1.014371.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
37	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.005277.H50	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
38	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	3.000410.H50	Quản lý công sản, tài chính đất đai
39	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	1.12994.H50	Quản lý công sản, tài chính đất đai
40	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.008603.H50	Thuế
41	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	1.013040.H50	Thuế
42	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	1.014736.H50	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia
43	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	1.014737.H50	Quản lý chương trình

			mục tiêu quốc gia
V	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ (63 TTHC)**		
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	1.013750.H50	Người có công
2	Cấp Giấy xác nhận thân nhân của người có công	1.010833.H50	Người có công
3	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	1.014116.H50	Công chức, viên chức
4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1.010802.H50	Người có công
5	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	1.013749.H50	Người có công
6	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1.010801.H50	Người có công
7	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010803.H50	Người có công
8	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1.010804.H50	Người có công
9	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805.H50	Người có công
10	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.H50	Người có công
11	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1.010811.H50	Người có công
12	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1.010812.H50	Người có công
13	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.H50	Người có công
14	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1.010815.H50	Người có công
15	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.H50	Người có công
16	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010817.H50	Người có công
17	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.H50	Người có công

18	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.H50	Người có công
19	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	1.010820.H50	Người có công
20	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.H50	Người có công
21	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.H50	Người có công
22	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	1.010825.H50	Người có công
23	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010829.H50	Người có công
24	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010830.H50	Người có công
25	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157.H50	Người có công
26	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396.H50	Người có công
27	Giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257.H50	Người có công
28	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp	2.002308.H50	Người có công
29	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	1.004964.H50	Người có công
30	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1.014359.H50	Người có công
31	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	1.013745.H50	Người có công
32	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	1.013743.H50	Người có công
33	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	1.013744.H50	Người có công

34	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	1.010783.H50	Người có công
35	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	1.010772.H50	Người có công
36	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1.010788.H50	Người có công
37	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1.010781.H50	Người có công
38	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	1.010778.H50	Người có công
39	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	1.010777.H50	Người có công
40	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955.H50	Lao động, tiền lương
41	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1.014352.H50	Lao động, tiền lương
42	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	1.012299.H50	Công chức, viên chức
43	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	1.012300.H50	Công chức, viên chức
44	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	1.012301.H50	Công chức, viên chức
45	Công nhận ban vận động thành lập hội	1.013702.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
46	Thành lập hội	1.013703.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
47	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1.013704.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
48	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1.013706.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
49	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1.013707.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
50	Hội tự giải thể	1.013708.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
51	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1.013709.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
52	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1.013710.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
53	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013711.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
54	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	1.013712.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
55	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1.013713.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
56	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013714.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
57	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.013715.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
58	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	1.013716.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
59	Quỹ tự giải thể	1.013717.H50	Quản lý nhà nước về hội, quỹ
60	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	1.013734.H50	Quản lý lao động ngoài nước

61	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	2.002821.H50	Việc làm
62	Thủ tục tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"	1.014680.H50	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)
63	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	2.002303.H50	Bảo hiểm xã hội
VI	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP (55 TTHC)**		
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2.000424.H50	Hòa giải ở cơ sở
2	Thủ tục công nhận hòa giải viên	1.002211.H50	Hòa giải ở cơ sở
3	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	2.000950.H50	Hòa giải ở cơ sở
4	Thủ tục thôi làm hoà giải viên	2.000930.H50	Hòa giải ở cơ sở
5	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.H50	Hòa giải ở cơ sở
6	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002165.H50	Bồi thường nhà nước
7	Đăng ký khai sinh	1.001193.H50	Hộ tịch
8	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528.H50	Hộ tịch
9	Đăng ký lại khai sinh	1.004884.H50	Hộ tịch
10	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.H50	Hộ tịch
11	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.H50	Hộ tịch
12	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779.H50	Hộ tịch
13	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689.H50	Hộ tịch
14	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695.H50	Hộ tịch
15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.H50	Hộ tịch
16	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893.H50	Hộ tịch
17	Đăng ký kết hôn	1.000894.H50	Hộ tịch
18	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.H50	Hộ tịch
19	Đăng ký lại kết hôn	1.004746.H50	Hộ tịch
20	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513.H50	Hộ tịch
21	Đăng ký khai tử	1.000656.H50	Hộ tịch

22	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.H50	Hộ tịch
23	Đăng ký lại khai tử	1.005461.H50	Hộ tịch
24	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.H50	Hộ tịch
25	Đăng ký giám hộ	1.004837.H50	Hộ tịch
26	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669.H50	Hộ tịch
27	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.H50	Hộ tịch
28	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756.H50	Hộ tịch
29	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000323.H50	Hộ tịch
30	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322.H50	Hộ tịch
31	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859.H50	Hộ tịch
32	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748.H50	Hộ tịch
33	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002189.H50	Hộ tịch
34	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554.H50	Hộ tịch
35	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch	2.000547.H50	Hộ tịch
36	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.H50	Hộ tịch
37	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.H50	Hộ tịch
38	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419.H50	Hộ tịch
39	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000110.H50	Hộ tịch
40	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000094.H50	Hộ tịch
41	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080.H50	Hộ tịch
42	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827.H50	Hộ tịch
43	*Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân*	1.004873.H50	Hộ tịch
44	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	2.000635.H50	Hộ tịch
45	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516.H50	Hộ tịch
46	Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.002621.H50	Hộ tịch

47	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	2.002622.H50	Hộ tịch
48	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.H50	Chứng thực
49	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	2.000927.H50	Chứng thực
50	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	2.000942.H50	Chứng thực
51	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263.H50	Nuôi con nuôi
52	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.H50	Nuôi con nuôi
53	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003005.H50	Nuôi con nuôi
54	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2.002349.H50	Nuôi con nuôi
55	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002363.H50	Nuôi con nuôi
VII	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG (16 TTHC)**		
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Cấp xã	2.000206.H50	An toàn đập, hồ chứa thủy điện
2	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633.H50	Lưu thông hàng hóa trong nước
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279.H50	Lưu thông hàng hóa trong nước
4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629.H50	Lưu thông hàng hóa trong nước
5	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620.H50	Lưu thông hàng hóa trong nước
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615.H50	Lưu thông hàng hóa trong nước
7	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.H50	Lưu thông hàng hóa trong nước
8	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.H50	
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162.H50	
10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181.H50	

11	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2.002620.H50	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
12	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1.012568.H50	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ
13	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1.012569.H50	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ
14	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261.H50	Kinh doanh khí
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283.H50	Kinh doanh khí
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270.H50	Kinh doanh khí
VIII	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (52 TTHC)**		
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.	2.001960.H50	Giáo dục nghề nghiệp
2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc cấp xã.	2.002284.H50	Giáo dục nghề nghiệp
3	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (tại cấp xã)	1.012969.H50	Giáo dục thường xuyên
4	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (tại cấp xã)	1.012970.H50	Giáo dục thường xuyên
5	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (tại cấp xã)	3.000307.H50	Giáo dục thường xuyên
6	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (tại cấp xã)	3.000308.H50	Giáo dục thường xuyên
7	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
8	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
9	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
10	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	1.002407.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
11	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
12	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	2.002771.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ

			thống giáo dục quốc dân
13	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	2.002770.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
14	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
15	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1.000691.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
16	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1.000280.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
17	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1.000288.H50	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
18	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000711.H50	Kiểm định chất lượng
19	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713.H50	Kiểm định chất lượng
20	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715.H50	Kiểm định chất lượng
21	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (gọi chung là trường mầm non) (tại cấp xã)	1.012961.H50	Giáo dục mầm non
22	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (tại cấp xã)	1.006390.H50	Giáo dục mầm non
23	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (tại cấp xã)	1.006444.H50	Giáo dục mầm non
24	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (tại cấp xã)	1.006445.H50	Giáo dục mầm non
25	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (tại cấp xã)	1.012962.H50	Giáo dục mầm non
26	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (tại cấp xã)	1.012971.H50	Giáo dục mầm non
27	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại (tại cấp xã)	1.012972.H50	Giáo dục mầm non
28	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (tại cấp xã)	1.012973.H50	Giáo dục mầm non
29	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (tại cấp xã)	1.012974.H50	Giáo dục mầm non
30	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.014996.H50	Giáo dục mầm non
31	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (tại cấp xã)	1.012963.H50	Giáo dục tiểu học

32	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (tại cấp xã)	2.001842.H50	Giáo dục tiểu học
33	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (tại cấp xã)	1.004552.H50	Giáo dục tiểu học
34	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (tại cấp xã)	1.004563.H50	Giáo dục tiểu học
35	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (tại cấp xã)	1.001639.H50	Giáo dục tiểu học
36	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học (tại cấp xã)	1.005099.H50	Giáo dục tiểu học
37	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012968.H50	Giáo dục trung học
38	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012967.H50	Giáo dục trung học
39	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1.012966.H50	Giáo dục trung học
40	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.012965.H50	Giáo dục trung học
41	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	2.002483.H50	Giáo dục trung học
42	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	2.002481.H50	Giáo dục trung học
43	Tuyển sinh trung học cơ sở	3.000182.H50	Giáo dục trung học
44	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	2.002482.H50	Giáo dục trung học
45	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012964.H50	Giáo dục trung học
46	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1.005108.H50	Giáo dục trung học
47	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	2.001904.H50	Giáo dục trung học
48	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường tiểu học tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận	1.008725.H50	Giáo dục trung học
49	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (tại cấp xã)	3.000309.H50	Cơ sở giáo dục khác
50	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1.012975.H50	Cơ sở giáo dục khác
51	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	2.002850.H50	Văn bằng, chứng chỉ

52	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	1.014957.H50	Thi, tuyển sinh
IX	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (77 TTHC)**		
1	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000439.H50	Biển, hải đảo
2	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000440.H50	Biển, hải đảo
3	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000441.H50	Biển, hải đảo
4	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000442.H50	Biển, hải đảo
5	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	3.000443.H50	Biển, hải đảo
6	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1.001662.H50	Tài nguyên nước
7	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	1.014258.H50	Địa chất và khoáng sản
8	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.014259.H50	Địa chất và khoáng sản
9	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	1.010736.H50	Môi trường
10	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m^3).	1.013128.H50	Ứng phó sự cố tràn dầu
11	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	1.014832.H50	Lâm nghiệp
12	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	1,012,922.H50	Lâm nghiệp
13	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	1.012531.H50	Lâm nghiệp
14	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	1.007919.H50	Lâm nghiệp
15	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1.012694.H50	Lâm nghiệp
16	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	3.00025.H50	Lâm nghiệp
17	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loại thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	1.011471.H50	Lâm nghiệp
18	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi,	3.000502.H50	Lâm nghiệp

19	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.003956.H50	Thuỷ sản
20	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.004498.H50	Thuỷ sản
21	Công bố mở cảng cá loại III	1.004478.H50	Thuỷ sản
22	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	1.004680.H50	Thuỷ sản
23	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	1.004656.H50	Thuỷ sản
24	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	1.014801.H50	Thuỷ sản
25	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014848.H50	Thuỷ lợi
26	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014849.H50	Thuỷ lợi
27	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014850.H50	Thuỷ lợi
28	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014851.H50	Thuỷ lợi
29	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014852.H50	Thuỷ lợi
30	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014853.H50	Thuỷ lợi
31	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia	1.014854.H50	Thuỷ lợi

	tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		
32	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014859.H50	Thuỷ lợi
33	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014860.H50	Thuỷ lợi
34	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014862.H50	Thuỷ lợi
35	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014863.H50	Thuỷ lợi
36	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	1.014864.H50	Thuỷ lợi
37	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	1.014865.H50	Thuỷ lợi
38	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	2.001627.H50	Thuỷ lợi
39	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1.003471.H50	Thuỷ lợi
40	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	1.003347.H50	Thuỷ lợi
41	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.H50	Thuỷ lợi
42	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446.H50	Thuỷ lợi
43	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440.H50	Thuỷ lợi
44	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai	1.010091.H50	Quản lý Đê điều và Phòng,

	cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội		chống thiên tai
45	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010092.H50	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai
46	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	1.012836.H50	Chăn nuôi
47	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1.012837.H50	Chăn nuôi
48	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	1.013997.H50	Thú y
49	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1.008004.H50	TTBVTV
50	Hỗ trợ dự án liên kết cấp xã	1.003434.H50	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
51	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1.003596.H50	Nông nghiệp
52	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1.011606.H50	Giảm nghèo
53	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607.H50	Giảm nghèo
54	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608.H50	Giảm nghèo
55	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609.H50	Giảm nghèo
56	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	3.000412.H50	Giảm nghèo
57	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1.012817.H50	Đất đai
58	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1.012796.H50	Đất đai
59	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012791.H50	Đất đai

60	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1.012753.H50	Đất đai
61	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1.013949.H50	Đất đai
62	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	1.013950.H50	Đất đai
63	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	1.013952.H50	Đất đai
64	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	1.013953.H50	Đất đai
65	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	1.013962.H50	Đất đai
66	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1.013978.H50	Đất đai
67	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1.013979.H50	Đất đai
68	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	1.013965.H50	Đất đai

69	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	1,014,275.H50	Đất đai
70	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	1,014,284.H50	Đất đai
71	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1.013967.H50	Đất đai
72	Hòa giải tranh chấp đất đai	1.012812.H50	Đất đai
73	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011441.H50	Đăng ký biện pháp bảo đảm
74	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011442.H50	Đăng ký biện pháp bảo đảm
75	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011443.H50	Đăng ký biện pháp bảo đảm
76	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011444.H50	Đăng ký biện pháp bảo đảm
77	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	1.011445.H50	Đăng ký biện pháp bảo đảm
X	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN CÔNG AN, QUÂN SỰ (04 TTHC)**		
1	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	1.013313.H50	Đăng ký, quản lý cư trú
2	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	1.013314.H50	Đăng ký, quản lý cư trú
3	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	1.012537.H50	Chính sách
4	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	1.012538.H50	Chính sách
XI	**TTHC THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ (22 TTHC)**		
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.H50	Bảo trợ xã hội
2	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.H50	Bảo trợ xã hội
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.H50	Bảo trợ xã hội
4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014027.H50	Bảo trợ xã hội

5	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014028.H50	Bảo trợ xã hội
6	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.H50	Bảo trợ xã hội
7	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.H50	Bảo trợ xã hội
8	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000282.H50	Bảo trợ xã hội
9	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000286.H50	Bảo trợ xã hội
10	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2.000477.H50	Bảo trợ xã hội
11	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947.H50	Trẻ em
12	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004941.H50	Trẻ em
13	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944.H50	Trẻ em
14	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001942.H50	Trẻ em
15	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946.H50	Trẻ em
16	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944.H50	Trẻ em
17	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	2.001088.H50	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
18	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661.H50	Phòng, chống tệ nạn xã hội
19	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010941.H50	Phòng, chống tệ nạn xã hội
20	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1.010940.H50	Phòng, chống tệ nạn xã hội
21	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1.010939.H50	Phòng, chống tệ nạn xã hội
22	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1.010938.H50	Phòng, chống tệ nạn xã hội